| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đặng Quyết Chiến

2. Ông Nguyễn Thế Hậu

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

*2. Bị đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng ngày 18/02/2014. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn N, xã Đ, huyện Yên Dũng. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng đầu năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, hai bên không còn tin tưởng nhau và không tìm được tiếng nói chung. Anh, chị ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Tháng 12/2018 anh gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, quá trình làm việc được Tòa án hòa giải nên anh đã rút đơn để cho vợ chồng cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh chị không hàn gắn được, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị được ly hôn với chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng anh, chị. Nay ly hôn anh đồng ý để chị T được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị Phạm Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau ngày 23/02/2014. Trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 18/02/2014. Sau khi cưới chị về nhà anh M làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 01 con chung. Chị xác định vợ chồng chung số có mâu thuẫn nhưng là mẫu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn có cuộc sống bình thường, vẫn quan tâm và chăm sóc cho nhau. Khi anh M làm đơn xin ly hôn thì bản thân chị đã hỏi anh M lý do xin ly hôn là gì thì anh M chỉ nói là không còn hợp chị nữa. Bản thân chị và bố mẹ anh M đã khuyên bảo rất nhiều nhưng anh M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Chị xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng anh, chị. Vì chị không đồng ý ly hôn nên chị không có yêu cầu gì về con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Phạm Thị T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M, cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Phạm Thị T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng vào ngày 18/02/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía anh M là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, hai bên không còn tin tưởng nhau và không tìm được tiếng nói chung. Tháng 12/2018, anh M đã gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án được Tòa án hòa giải nên anh đã rút đơn để cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng là nhưng mâu thuẫn nhỏ. Chị T cũng xác định vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, bản thân chị không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị X là bố, mẹ đẻ của anh M, ông T và bà X cho biết: Quá trình chung sống vợ chồng anh M và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ, gia đình đã khuyên bảo và dàn xếp nhiều lần nhưng anh M vẫn nhất quyết ly hôn. Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M, chị T về đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã làm việc với cơ quan Công an huyện Yên Dũng nơi anh M đang làm việc, ông Nguyễn Đức H- Chức vụ: Đội phó Đội xây dựng phong trào bảo về an ninh tổ quốc cho biết: Anh M có báo cáo cơ quan về sự việc anh M có mâu thuẫn gia đình và đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp nhau về tính tình, đến nay không còn tình cảm. Cơ quan đã phân tích và khuyên bảo để vợ chồng anh M về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đề nghị Tòa án hòa giải cho anh M, chị T về đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Quang T- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đức Giang nơi chị T đang làm việc, ông T cho biết: Bản thân chị T không báo cáo cơ quan về cuộc sống gia đình, đến khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh

M và chị T và về làm việc với Ủy ban thì ông mới được biết. Ông có hỏi chị T thì chị T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi anh M và chị T đang sinh sống xác định: Địa phương không được biết về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T, khi Tòa án về làm việc và thông báo về vụ án thì địa phương mới biết. Anh M đã hai lần nộp đơn xin giải quyết ly hôn với chị T chứng tỏ anh M không còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh M và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh M được ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh M và chị T có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015. Vợ chồng ly hôn, anh M đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015, chị T không có yêu cầu gì. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của anh M là giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Mạnh được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/11/2015

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002885 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Ngọc Oanh**